

Phụ lục V

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2026/TT-BTC ngày 27 tháng 8 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Phụ lục V.A

MẪU THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM (E-TBMQT) VÀ MẪU HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM (E-HSMQT) DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH

*(Kèm theo Thông tư số 98/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

1. Mẫu E-TBMQT**E-TBMQT****I. THÔNG TIN E-TBMQT**

1. Mã E-TBMQT: *[Hệ thống tự trích xuất]*
2. Ngày đăng tải: *[Hệ thống tự trích xuất]*
3. Phiên bản thay đổi: *[Hệ thống tự trích xuất]*

II. THÔNG TIN DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH

1. Tên dự án: _____ *[Hệ thống tự trích xuất tên Dự án]*
2. Mục tiêu đầu tư: _____
3. Quy mô đầu tư của dự án: _____
4. Tổng vốn đầu tư của dự án: _____
- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: _____
- Chi phí khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có): _____
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): _____
5. Đối với dự án đầu tư dự kiến triển khai trên quỹ đất có tài sản gắn liền với đất là tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là tài sản gắn liền với đất), nhà đầu tư phải cam kết thanh toán giá trị của tài sản gắn liền với đất (trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho nhà đầu tư) hoặc giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất (trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản trước khi giao đất, cho thuê đất).
Giá trị của tài sản gắn liền với đất (nếu đã xác định được): _____
6. Địa điểm thực hiện dự án: _____
7. Mục đích sử dụng đất: _____
8. Hiện trạng sử dụng đất (nếu có): _____
9. Diện tích khu đất thực hiện dự án (nếu có): _____
10. Các chỉ tiêu quy hoạch: _____
11. Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án: _____
12. Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có): _____
13. Tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có): _____

III. CÁCH THỨC NỘP E-HSDKTHDA¹

1. Hình thức nộp E-HSDKTHDA: *[Hệ thống tự trích xuất]*
2. Địa điểm nhận E-HSDKTHDA: *[Hệ thống tự trích xuất]*
3. Thời điểm hết hạn nộp E-HSDKTHDA: _____

[ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể, nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 20 ngày làm việc, kể từ ngày đầu tiên phát hành E-HSMQT đến ngày có thời điểm đóng thầu.]

4. Địa điểm mở E-HSDKTHDA: *[Hệ thống tự trích xuất]*

IV. THÔNG TIN QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT E-HSMQT

1. Số quyết định phê duyệt: _____
2. Cơ quan phê duyệt: _____
3. Ngày phê duyệt: _____
4. Quyết định phê duyệt *[đính kèm trên Hệ thống]*
5. Các văn bản có liên quan (nếu có) *[đính kèm trên Hệ thống]*

¹ Nhà đầu tư quan tâm, có nhu cầu đăng ký thực hiện dự án phải thực hiện nộp E-HSDKTHDA trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài phải đăng ký tài khoản trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để đăng ký thực hiện dự án.

2. Mẫu E-HSMQT**E-HSMQT****DỰ ÁN ĐẦU TƯ _____**

[Hệ thống tự động hiển thị “có sử dụng đất” đối với dự án đầu tư có sử dụng đất phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đất đai; hiển thị “thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực” đối với dự án đầu tư không sử dụng đất thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực]

Tên dự án: _____

[theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống]

Phát hành ngày: _____

[theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống]

Ban hành kèm theo Quyết định: _____

[theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống]

Tư vấn lập E-HSMQT (nếu có): _____**Bên mời quan tâm:** _____ *[Hệ thống tự trích xuất]*

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT	5
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	7
Chương I. Chi dẫn nhà đầu tư	8
Chương II. Đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án	21
Chương III. Biểu mẫu dự quan tâm	25

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị E-HSDKTHDA. Thông tin gồm quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDKTHDA, mở thầu, đánh giá E-HSDKTHDA.

Chương II. Đánh giá E-HSDKTHDA

Chương này gồm quy định về phương pháp và tiêu chuẩn để đánh giá E-HSDKTHDA.

Chương III. Biểu mẫu dự quan tâm

Chương này gồm quy định về các biểu mẫu mà Bên mời quan tâm và nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để tạo thành một phần nội dung của E-HSMQT và E-HSDKTHDA.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNĐT	Chi dẫn nhà đầu tư
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
E-HSĐKTHDA	Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án
E-HSMQT	Hồ sơ mời quan tâm
E-VBĐKTHDA	Văn bản đăng ký thực hiện dự án
E-VBTILD	Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15)
Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư	Nghị định số 274/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Nội dung mời quan tâm

1.1. _____ [*Hệ thống tự trích xuất tên Bên mời quan tâm*] mời nhà đầu tư nộp E-HSDKTHDA _____ [*Hệ thống tự trích xuất tên Dự án*].

1.2. Thông tin về dự án:

Căn cứ nội dung theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, Bên mời quan tâm tóm tắt thông tin về dự án, bao gồm:

[Hệ thống tự trích xuất thông tin sau đây theo E-TBMQT]

a) Tên dự án:

b) Mục tiêu đầu tư:

c) Quy mô đầu tư của dự án:

d) Tổng vốn đầu tư của dự án:

- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án:

- Chi phí khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có):

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

đ) Đối với dự án đầu tư dự kiến triển khai trên quỹ đất có tài sản gắn liền với đất là tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là tài sản gắn liền với đất), nhà đầu tư phải cam kết thanh toán giá trị của tài sản gắn liền với đất (trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho nhà đầu tư) hoặc giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất (trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản trước khi giao đất, cho thuê đất).

Giá trị của tài sản gắn liền với đất (nếu đã xác định được):

e) Địa điểm thực hiện dự án:

g) Mục đích sử dụng đất:

h) Hiện trạng sử dụng đất (nếu có):

i) Diện tích khu đất thực hiện dự án (nếu có):

k) Các chỉ tiêu quy hoạch:

l) Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án:

m) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có):

n) Tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có):

o) Thời điểm hết hạn nộp E-HSĐKTHDA:

p) Tên bên mời quan tâm:

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư gồm các hành vi theo quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư

Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

3.1. Đối với nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tổ chức khác đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;

3.2. Hạch toán tài chính độc lập;

3.3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

3.4. Bảo đảm cạnh tranh theo quy định tại Điều 6 của Luật Đấu thầu, cụ thể:

3.4.1. Kể từ ngày phát hành E-HSMQT, nhà đầu tư nộp E-HSĐKTHDA, nhà đầu tư được đánh giá là độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây:

a) Cơ quan có thẩm quyền ____ [*Hệ thống tự trích xuất*]

b) Bên mời quan tâm ____ [*Hệ thống tự trích xuất*]

c) Nhà thầu tư vấn lập E-HSMQT, đánh giá E-HSĐKTHDA (nếu có).

d) Thông tin về các nhà thầu tư vấn như sau:

- Tư vấn lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nếu có): ____ [*ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn*]⁽²⁾

⁽²⁾ Không áp dụng đối với các dự án do nhà đầu tư đề xuất.

- Tư vấn lập hồ sơ đề xuất dự án (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nếu có): ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];

- Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi đối với trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi trước khi tổ chức mời thầu (nếu có): ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]⁽²⁾;

- Tư vấn lập E-HSMQT (nếu có): ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];

- Tư vấn đánh giá E-HSĐKTHDA (nếu có): ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];

3.4.2. Kể từ ngày phát hành E-HSMQT, nhà đầu tư nộp E-HSĐKTHDA được đánh giá là độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với cơ quan có thẩm quyền, bên mời quan tâm khi không có tỷ lệ sở hữu vốn trên 50% cổ phần, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, phần vốn góp của nhau. Trường hợp nhà đầu tư nộp E-HSĐKTHDA với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$$

Trong đó:

X_i : là tỷ lệ sở hữu vốn, cổ phần, cổ phần có quyền biểu quyết của cơ quan có thẩm quyền, bên mời quan tâm trong thành viên liên danh thứ i .

Y_i : là tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của thành viên liên danh thứ i tại thỏa thuận liên danh.

n : là số thành viên tham gia trong liên danh.

3.4.3. Kể từ ngày phát hành E-HSMQT, nhà đầu tư nộp E-HSĐKTHDA và nhà thầu tư vấn quy định tại Mục 3.4.1 không cùng có tỷ lệ sở hữu vốn trên 30% cổ phần, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, phần vốn góp của một tổ chức, cá nhân khác đối với từng bên. Trường hợp nhà đầu tư liên danh, nhà thầu tư vấn liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn được xác định như sau:

a) Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác và nhà đầu tư liên danh được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$$

Trong đó:

X_i : là tỷ lệ sở hữu vốn, cổ phần, cổ phần có quyền biểu quyết của tổ chức, cá nhân với nhà đầu tư tham dự thầu thứ i .

Y_i : là tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh thứ i tại thỏa thuận liên danh.

n : là số thành viên tham gia trong liên danh.

b) Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác và nhà thầu tư vấn liên danh được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$$

Trong đó:

X_i : là tỷ lệ sở hữu vốn, cổ phần, cổ phần có quyền biểu quyết của tổ chức, cá nhân với nhà thầu tư vấn thứ i tại thỏa thuận liên danh.

Y_i : là tỷ lệ phân chia trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh thứ i tại thỏa thuận liên danh.

n : là số thành viên tham gia trong liên danh.

3.4.4. Đối với nhà đầu tư được tổ chức theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp nộp E-HSĐKTHDA dự án đầu tư kinh doanh:

a) Công ty mẹ hoặc công ty con hoặc liên danh công ty mẹ và các công ty con chỉ được tham dự trong một E-HSĐKTHDA;

b) Nhà đầu tư nộp E-HSĐKTHDA với nhà thầu tư vấn thực hiện một trong các công việc tư vấn quy định tại Mục 3.5.1 không có mối quan hệ công ty mẹ, công ty con kể từ khi phát hành E-HSMQT.

3.4.5. Việc xác định tỷ lệ sở hữu vốn giữa các bên căn cứ theo tỷ lệ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.

3.5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu;

3.6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3.7. Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai (áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất).

3.8. Không trong thời gian bị cấm hoạt động kinh doanh bất động sản, bị tạm ngừng, bị đình chỉ hoạt động theo bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản (áp dụng đối với dự án bất động sản).

Mục 4. Nội dung E-HSMQT

4.1. E-HSMQT gồm có Phần 1, Phần 2 và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMQT (nếu có) theo quy định tại Mục 7 CDNDT, trong đó gồm các nội dung sau đây:

a) Phần 1. Thủ tục mời quan tâm

- Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư
- Chương II. Đánh giá E-HSĐKTHDA
- Chương III. Biểu mẫu dự quan tâm

b) Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án

4.2. E-TBMQT do bên mời quan tâm phát hành chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của E-HSMQT.

4.3. Bên mời quan tâm không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của E-HSMQT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMQT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có), các tài liệu sửa đổi E-HSMQT không do bên mời quan tâm cung cấp.

4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu dự quan tâm, yêu cầu thực hiện dự án và các yêu cầu khác trong E-HSMQT để chuẩn bị E-HSĐKTHDA.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá sơ bộ về năng lực của nhà đầu tư

Tiêu chuẩn sơ bộ về năng lực của nhà đầu tư bao gồm:

5.1. Yêu cầu vốn chủ sở hữu.

5.2. Đối với dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, ngoài tiêu chuẩn quy định tại khoản 5.1 Mục này, tiêu chuẩn đánh giá sơ bộ về năng lực, gồm yêu cầu về sơ bộ phương án bồi thường, tái định cư theo quy định của pháp luật về nhà ở.

5.3. Đối với dự án đầu tư dự kiến triển khai trên quỹ đất có tài sản gắn liền với đất là tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật về

quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là tài sản gắn liền với đất) thì việc bán tài sản gắn liền với đất cho nhà đầu tư hoặc nhà đầu tư phải hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công phải được quy định trong HSMQT. Trong đó:

a) Đối với dự án đầu tư dự kiến triển khai trên quỹ đất có tài sản gắn liền với đất là tài sản công đôi dư được xử lý theo cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP và cấp có thẩm quyền quyết định không phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi giao đất, cho thuê đất: HSMQT quy định nhà đầu tư phải cam kết hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất. Giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được xác định theo giá trị còn lại được theo dõi, hạch toán tại thời điểm giao đất, cho thuê đất. Trường hợp nhà, tài sản gắn liền với đất chưa được theo dõi, hạch toán trên sổ kế toán hoặc việc tính hao mòn chưa phù hợp thì cơ quan tiếp nhận tài sản xác định giá trị còn lại của nhà, tài sản gắn liền với đất theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

b) Đối với dự án đầu tư dự kiến triển khai trên quỹ đất có tài sản gắn liền với đất không được xử lý theo cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP và được cấp có thẩm quyền quyết định phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi giao đất, cho thuê đất: Giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được xác định theo giá trị còn lại trên sổ kế toán tại thời điểm cấp có thẩm quyền quyết định phá dỡ, hủy bỏ. Trường hợp tài sản gắn liền với đất chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì cơ quan tiếp nhận tài sản xác định giá trị còn lại của tài sản theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Trường hợp tại thời điểm lập HSMQT chưa xác định được giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất, HSMQT quy định nhà đầu tư phải cam kết nộp giá trị của tài sản gắn liền với đất sau khi được cấp có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Đối với dự án đầu tư dự kiến triển khai trên quỹ đất có tài sản gắn liền với đất không được xử lý theo cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP và bán tài sản gắn liền với đất cho nhà đầu tư:

Trường hợp cấp có thẩm quyền đã quyết định giá bán tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công trước khi lập HSMQT thì HSMQT ghi rõ thông tin giá bán tài sản gắn liền với đất. Trường hợp tại thời điểm lập HSMQT, cấp có thẩm quyền chưa quyết định giá bán tài sản thì HSMQT quy định nhà đầu tư cam kết nộp giá trị của tài sản gắn liền với đất sẽ được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

d) Nhà đầu tư phải cam kết trong HSĐKTHDA việc nộp số tiền tương ứng với giá trị tài sản gắn liền với đất theo quy định tại HSMQT trong trường hợp

được chấp thuận là nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư. Giá trị này độc lập với nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các nghĩa vụ tài chính khác của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Nội dung chi tiết theo quy định tại Chương II. Đánh giá E-HSĐKTHDA.

Mục 6. Làm rõ E-HSMQT

6.1. Trường hợp cần làm rõ E-HSMQT, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến bên mời quan tâm trên Hệ thống tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp E-HSĐKTHDA.

6.2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ theo thời gian quy định, ____ [*Hệ thống tự trích xuất tên Bên mời quan tâm*] tiến hành làm rõ và đăng tải văn bản làm rõ hồ sơ mời quan tâm trên Hệ thống tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp E-HSĐKTHDA.

6.3. Nội dung làm rõ E-HSMQT không được trái với nội dung của E-HSMQT đã được đăng tải trên Hệ thống. Trường hợp sau khi làm rõ E-HSMQT dẫn đến phải sửa đổi E-HSMQT thì việc sửa đổi E-HSMQT thực hiện theo quy định tại Mục 7 CDNĐT.

6.4. Văn bản làm rõ hồ sơ mời quan tâm là một phần của E-HSMQT.

Mục 7. Sửa đổi E-HSMQT; gia hạn thời gian nộp E-HSĐKTHDA

7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMQT sau khi phát hành, bên mời quan tâm phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống, gồm: Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-HSMQT, E-HSMQT đã được sửa đổi. Quyết định sửa đổi E-HSMQT là một phần của E-HSMQT. Nhà đầu tư có trách nhiệm thường xuyên truy cập vào Hệ thống để cập nhật các thông tin về E-HSMQT.

7.2. Thời gian đăng tải quyết định sửa đổi E-HSMQT tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp E-HSĐKTHDA. Trường hợp thời gian đăng tải quyết định E-HSMQT không đáp ứng theo quy định tại Mục này thì bên mời quan tâm phải thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian tại Mục này. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 7.3 CDNĐT.

7.3. Trường hợp cần gia hạn thời gian nộp E-HSĐKTHDA, bên mời quan tâm đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống. Thông báo gia hạn gồm lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới.

Mục 8. Chi phí dự quan tâm

Nhà đầu tư chịu các chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp E-HSĐKTHDA. Trong mọi trường hợp, bên mời quan tâm không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc dự quan tâm của nhà đầu tư.

Mục 9. Ngôn ngữ của E-HSĐKTHDA

[Căn cứ hình thức lựa chọn nhà đầu tư, ghi rõ ngôn ngữ của E-HSĐKTHDA:

- Đối với mời quan tâm quốc tế:

E-HSĐKTHDA, các thư từ và tài liệu liên quan đến E-HSĐKTHDA trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời quan tâm được viết bằng: _____ *[Trường hợp E-HSMQT được viết bằng tiếng Anh thì ghi “Tiếng Anh”; E-HSMQT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập E-HSĐKTHDA căn cứ vào nội dung của bản E-HSMQT bằng tiếng Anh”].*

Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong E-HSĐKTHDA có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang: _____ *[Trường hợp E-HSMQT được viết bằng tiếng Anh thì ghi “Tiếng Anh”; E-HSMQT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập E-HSĐKTHDA”].* Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời quan tâm có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.

- Đối với mời quan tâm trong nước:

E-HSĐKTHDA, thư từ và tài liệu liên quan đến E-HSĐKTHDA trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời quan tâm được viết bằng tiếng Việt.

Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong E-HSĐKTHDA có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời quan tâm có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.

Mục 10. E-HSĐKTHDA và thời hạn nộp

10.1. E-HSĐKTHDA do nhà đầu tư chuẩn bị phải gồm các thành phần sau đây:

- a) E-VBĐKTHDA theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;
- b) Biểu mẫu dự quan tâm;
- c) Nội dung khác _____ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của E-HSĐKTHDA ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b và c Mục này trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế dự quan tâm của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”].*

10.2. Nhà đầu tư nộp E-HSĐKTHDA trên Hệ thống trước _____ giờ, ngày _____ tháng _____ năm _____ *[Hệ thống tự trích xuất theo E-TBMQT].*

Mục 11. Đồng tiền dùng để đánh giá

Đồng tiền dùng để đánh giá: ____ [*ghi cụ thể 01 loại đồng tiền*].

[11.1. Đối với mời quan tâm trong nước thì ghi là: “Đồng Việt Nam”.

11.2. Đối với mời quan tâm quốc tế ghi là: “Khi đánh giá E-HSĐKTHDA phải quy đổi về 01 loại tiền tệ; trường hợp trong số các đồng tiền đó có Đồng Việt Nam thì phải quy đổi về Đồng Việt Nam; trường hợp trong số các đồng tiền không có Đồng Việt Nam thì phải quy định về đồng tiền quy đổi, thời điểm và căn cứ xác định tỷ giá quy đổi như sau:

*a) Đồng tiền quy đổi là: ____ [*ghi đồng tiền quy đổi dùng để đánh giá*].*

*b) Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là: ____ [*ghi thời điểm xác định tỷ giá quy đổi*].*

*c) Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: ____ [*ghi cách tính tỷ giá chéo (tỷ giá mua vào, bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam)*].”*

Mục 12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực của nhà đầu tư

12.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư gồm:

a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:

Được cập nhật từ hồ sơ năng lực của nhà đầu tư trên Hệ thống: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với nhà đầu tư trong nước; tài liệu chứng minh đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài đối với nhà đầu tư nước ngoài.

b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh;

- E-VBTTLD theo Mẫu số 02 tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm. [*Hệ thống tự động trích xuất từ thông tin liên danh*]

12.2. Tài liệu chứng minh năng lực của nhà đầu tư gồm:

Năng lực của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm. Trường hợp đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực không phải đồng tiền theo quy định tại Mục 11 Chương này thì khi lập E-HSĐKTHDA, nhà đầu tư phải quy đổi về đồng tiền tương ứng theo quy định tại Mục 11 Chương này để làm cơ sở đánh giá E-HSĐKTHDA; trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này thì nhà đầu tư sử dụng đồng tiền quy đổi theo quy định tại Mục 11 Chương này để làm cơ sở quy đổi và kê khai trong E-HSĐKTHDA.

12.3. Nhà đầu tư phải nộp cùng với E-HSĐKTHDA các tài liệu sau đây: _____
[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của E-HSĐKTHDA ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Mục này trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự quan tâm của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”].

Mục 13. E-VBĐKTHDA

13.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, E-VBĐKTHDA phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm và được nộp trên Hệ thống.

13.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, E-VBĐKTHDA phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm, do thành viên đứng đầu liên danh nộp trên Hệ thống.

Mục 14. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận E-HSĐKTHDA

14.1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp E-HSĐKTHDA xác nhận ký số trên Hệ thống³ và theo yêu cầu của E-HSMQT. E-HSĐKTHDA của nhà đầu tư bao gồm: E-VBĐKTHDA; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực của nhà đầu tư; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

14.2. Nhà đầu tư nộp E-HSĐKTHDA trên Hệ thống theo thời hạn quy định tại E-TBMQT.

Mục 15. Sửa đổi, thay thế, rút E-HSĐKTHDA

15.1. Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể rút E-HSĐKTHDA trên Hệ thống trước thời điểm hết hạn nộp E-HSĐKTHDA. Trường hợp cần sửa đổi E-HSĐKTHDA đã nộp, nhà đầu tư phải tiến hành rút toàn bộ E-HSĐKTHDA đã nộp trước đó để sửa đổi, thay thế cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSĐKTHDA, nhà đầu tư tiến hành nộp lại E-HSĐKTHDA mới. Trường hợp nhà đầu tư đã nộp E-HSĐKTHDA trước khi E-HSMQT được sửa đổi (nếu có) thì nhà đầu tư phải nộp lại E-HSĐKTHDA mới cho phù hợp với E-HSMQT đã được sửa đổi.

15.2. Sau thời điểm hết hạn nộp E-HSĐKTHDA, nhà đầu tư không được rút E-HSĐKTHDA đã nộp.

Mục 16. Thời điểm đóng thầu

16.1. Bên mời quan tâm tiếp nhận E-HSĐKTHDA của tất cả nhà đầu tư nộp E-HSĐKTHDA trước thời điểm đóng thầu là: _____ giờ _____ phút, ngày _____ tháng _____ năm _____ *[Hệ thống tự trích xuất theo E-TBMQT]*.

³ Đối với nhà đầu tư nước ngoài không có chữ ký số thì phải cung cấp tài liệu chứng minh việc chữ ký trong E-ĐKTHDA là của người đại diện hợp pháp và nộp đính kèm văn bản đăng ký thực hiện dự án có chữ ký tươi, đóng dấu (nếu có) trên Hệ thống mà không cần xác nhận chữ ký số.

16.2. Bên mời quan tâm có thể gia hạn thời điểm đóng thầu trong trường hợp sửa đổi E-HSMQT theo quy định tại Mục 7.3 CDNĐT.

Mục 17. Mở thầu

17.1. Việc mở thầu được thực hiện trên Hệ thống trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm hết hạn nộp E-HSĐKTHDA.

17.2. Ngoại trừ trường hợp E-HSĐKTHDA nhà đầu tư rút theo quy định tại Mục 15.1 CDNĐT, bên mời quan tâm phải mở công khai tất cả E-HSĐKTHDA đã nhận được trước thời điểm đóng thầu.

17.3. Bên mời quan tâm tổ chức đánh giá E-HSĐKTHDA của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ.

Mục 18. Làm rõ E-HSĐKTHDA

18.1. Trường hợp trong quá trình đánh giá, nhà đầu tư phát hiện E-HSĐKTHDA thiếu thông tin, tài liệu về tư cách hợp lệ và năng lực của mình nhưng chưa được nộp cùng hồ sơ thì nhà đầu tư được gửi thông tin tài liệu trên Hệ thống để tự làm rõ về tư cách hợp lệ và năng lực của mình.

18.2. Trong trường hợp phát hiện nhà đầu tư thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ và năng lực thì bên mời quan tâm phải yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực. Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ E-HSĐKTHDA theo yêu cầu của bên mời quan tâm. Tất cả yêu cầu làm rõ của bên mời quan tâm và đề nghị làm rõ của nhà đầu tư phải được thực hiện trên Hệ thống.

18.3. Việc làm rõ E-HSĐKTHDA phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất về tư cách hợp lệ, tên nhà đầu tư, năng lực của nhà đầu tư tham dự quan tâm.

18.4. Trong đề nghị yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư (thời hạn này phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian chuẩn bị các tài liệu làm rõ E-HSĐKTHDA). Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà nhà đầu tư chưa trả lời yêu cầu làm rõ hoặc nội dung làm rõ không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời quan tâm thì bên mời quan tâm sẽ đánh giá E-HSĐKTHDA của nhà đầu tư theo thông tin nêu tại E-HSĐKTHDA nộp trước thời điểm đóng thầu.

Mục 19. Đánh giá E-HSĐKTHDA và công khai kết quả mời quan tâm

19.1. Việc đánh giá E-HSĐKTHDA thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực quy định tại Chương II – Đánh giá E-HSĐKTHDA.

19.2. Căn cứ kết quả đánh giá E-HSDKTHDA, bên mời quan tâm trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kết quả mời quan tâm và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư như sau:

a) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng điều kiện mời quan tâm thì tổ chức đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư;

b) Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng điều kiện mời quan tâm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm thì thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư.

c) Trường hợp không có nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm, có văn bản thông báo về kết thúc thủ tục mời quan tâm.

19.3. Đối với dự án quy định tại điểm a Mục 19.2 CDNĐT, bên mời quan tâm trình người có thẩm quyền phê duyệt bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư, trong đó quyết định bên mời thầu, hình thức, phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh; trình người có thẩm quyền phê duyệt đồng thời tại văn bản phê duyệt kết quả mời quan tâm; trong đó, hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được xác định theo quy định sau:

a) Đấu thầu rộng rãi trong nước nếu không có nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện mời quan tâm;

b) Đấu thầu rộng rãi quốc tế nếu có ít nhất một nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện mời quan tâm.

19.4. Đối với trường hợp quy định tại điểm c Mục 19.2 CDNĐT, người có thẩm quyền thông báo bằng văn bản về việc kết thúc thủ tục mời quan tâm. Trường hợp thực hiện lại thủ tục mời quan tâm thì xem xét quyết định thực hiện một trong hai thủ tục sau:

a) Thực hiện lại thủ tục mời quan tâm trong thời hạn do người có thẩm quyền quyết định;

b) Rà soát, chỉnh sửa E-HSMQT nhưng phải bảo đảm phù hợp với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án và thực hiện lại thủ tục mời quan tâm.

19.5. Căn cứ quyết định của người có thẩm quyền quy định tại Mục 19.2 CDNĐT, bên mời quan tâm có trách nhiệm đăng tải kết quả mời quan tâm và Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư hoặc văn bản thông báo về việc kết thúc thủ tục mời quan tâm trên Hệ thống.

Mục 20. Xử lý vi phạm trong đấu thầu

20.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

20.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 20.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư từ 06 tháng đến 05 năm. Thời gian cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, bao gồm cả cá nhân thuộc cơ quan có thẩm quyền, bên mời quan tâm, tổ chuyên gia, tổ thẩm định:

a) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các khoản 1, 2, 4 và điểm a khoản 3 Điều 16 của Luật Đấu thầu;

b) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 01 năm đến 03 năm đối với một trong các hành vi vi phạm điểm c khoản 3; khoản 5 Điều 16 của Luật Đấu thầu;

c) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 01 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 6 và khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

20.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Mục 20.2 được thực hiện như sau:

a) Chỉ cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với thành viên liên danh vi phạm quy định thuộc trường hợp quy định tại các điểm c khoản 3, khoản 4, các điểm b, c, d, đ khoản 5, các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 6, khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu;

b) Cấm tham gia với tất cả thành viên liên danh khi một hoặc một số thành viên có hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a Mục này.

20.4. Căn cứ 03 quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu còn hiệu lực của cùng hoặc khác người có thẩm quyền được đăng tải trên Hệ thống, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương trong thời hạn 05 năm đối với tổ chức, cá nhân vi phạm.

20.4a. Căn cứ 05 quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu còn hiệu lực của cùng hoặc khác của Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được đăng tải trên Hệ thống, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên phạm vi toàn quốc trong thời hạn 05

năm đối với tổ chức, cá nhân vi phạm. Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên phạm vi toàn quốc được Bộ Tài chính đăng tải trên Hệ thống.

20.5. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được một trong các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị của bên mời quan tâm kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm;

b) Kiến nghị tại kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra;

c) Kết quả giải quyết kiến nghị của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị;

d) Các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó xác định hành vi vi phạm.

20.6. Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu bao gồm các nội dung:

a) Tên tổ chức, cá nhân vi phạm;

b) Nội dung vi phạm, căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm và thời gian cấm tương ứng với từng hành vi vi phạm; tổng thời gian cấm (trường hợp vi phạm từ 02 hành vi trở lên); phạm vi cấm;

c) Hiệu lực thi hành quyết định.

CHƯƠNG II

ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ E-HSĐKTHDA

1.1. Đánh giá tính hợp lệ E-HSĐKTHDA

a) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSĐKTHDA với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên liên danh;

b) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh xác nhận ký số. Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm;

c) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

d) Nhà đầu tư có tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNDT.

Nhà đầu tư có E-HSĐKTHDA được coi là “Hợp lệ” khi tất cả các nội dung được đánh giá là “Đáp ứng”. E-HSĐKTHDA của nhà đầu tư được coi là “Không hợp lệ” khi có bất kỳ nội dung nào được đánh giá là “Không đáp ứng” và khi đó E-HSĐKTHDA của nhà đầu tư sẽ bị loại. Nhà đầu tư có E-HSĐKTHDA hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 2. Đánh giá sơ bộ về năng lực của nhà đầu tư

2.1. Sử dụng phương pháp đạt, không đạt để đánh giá sơ bộ về năng lực của nhà đầu tư. Nhà đầu tư được đánh giá là đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt.

2.2. Đối với nhà đầu tư liên danh: Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%.

2.3. Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định nhà đầu tư phải có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, bên mời quan tâm, tổ chuyên gia xác định tiêu chuẩn đánh giá kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự trong E-HSMQT theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

2.4. Nhà đầu tư trong nước được sử dụng đối tác là nhà thầu nước ngoài khi tham gia đấu thầu trong nước. *[Ghi nội dung này nếu dự án áp dụng hình thức đấu thầu trong nước nhưng cần thúc đẩy sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, kinh nghiệm quản lý quốc tế].*

2.5. Việc đánh giá sơ bộ năng lực của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

Bảng số 01

YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC ^(*)

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp ⁽¹⁾ để được đánh giá là đạt: _____ <i>[ghi giá trị bằng số và bằng chữ]</i> - Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất: vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 20% tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên.

TT	Nội dung	Yêu cầu
		- Đối với dự án đầu tư thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và không sử dụng đất: Vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực không quy định thì vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư của dự án đang xét.]

Ghi chú:

(*) Đối với dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, bên mời quan tâm, tổ chuyên gia bổ sung tiêu chuẩn đánh giá sơ bộ phương án bồi thường, tái định cư theo quy định của pháp luật về nhà ở.

(1) Yêu cầu về vốn chủ sở hữu được xác định trên cơ sở tổng vốn đầu tư (gồm sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, chi phí khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có) và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có)).

a) Đối với dự án đầu tư đầu tư có sử dụng đất, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản, được xác định căn cứ vào:

- Kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì dùng kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán;

- Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Trường hợp Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

b) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và đầu tư tài chính dài hạn (nếu có), nhà đầu tư kê khai danh sách các dự án đang được đầu tư và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), bảo đảm đáp ứng đủ toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm.

(2) Các nhà đầu tư sau đây không phải chứng minh khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu: doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU DỰ QUAN TÂM

1. Mẫu số 01: Văn bản đăng ký thực hiện dự án (E-VBĐKTHDA)
2. Mẫu số 02: Thỏa thuận liên danh (E-VBTTLD)
3. Mẫu số 03: Thông tin về nhà đầu tư và các đối tác cùng thực hiện
4. Mẫu số 04: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
5. Mẫu số 05: Lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện
6. Mẫu số 06: Cam kết nộp giá trị của tài sản gắn liền với đất

Mẫu số 01 (Webform trên Hệ thống)**VĂN BẢN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN (E-VBĐKTHDA) ⁽¹⁾**

ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*Hệ thống tự trích xuất tên Bên mời quan tâm*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời quan tâm của dự án ____ [*Hệ thống tự trích xuất*] do ____ [*Hệ thống tự trích xuất tên Bên mời quan tâm*] (sau đây gọi tắt là Bên mời quan tâm) phát hành ngày ____ [*Hệ thống tự trích xuất*], chúng tôi, ____ [*Hệ thống tự trích xuất*] nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đối với dự án nêu trên. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời quan tâm bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác khi Bên mời quan tâm có yêu cầu.

Chúng tôi cam kết⁽²⁾:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đăng ký thực hiện dự án này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật về đấu thầu khi tham dự dự án này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thực hiện dự án là chính xác, trung thực.
6. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình dự quan tâm.

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời quan tâm, nhà đầu tư.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận, E-HSĐKTHDA bị loại và nhà đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

THỎA THUẬN LIÊN DANH (E-VBTTLĐ)

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ____ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế: [*Hệ thống tự động trích xuất*]

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án ____ [*Hệ thống tự trích xuất tên dự án*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: ____ [*ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho ____ [*Hệ thống tự trích xuất*] là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc trong quá trình hoàn thiện, nộp, làm rõ, sửa đổi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực .

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh ⁽¹⁾ [*ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh*]:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia [<i>Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)</i>]	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỷ lệ %
1	Thành viên 1 [<i>Đứng đầu liên danh</i>]			[<i>tối thiểu 30%</i>]
2	Thành viên 2			[<i>tối thiểu 15%</i>]
3	Thành viên 3			[<i>tối thiểu 15%</i>]
.....				
Tổng				100%

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;
 - Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời quan tâm chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;
 - Liên danh không đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực;
 - Kết thúc thủ tục mời quan tâm;

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận chữ ký số ⁽²⁾]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỪNG THÀNH VIÊN LIÊN DANH ⁽³⁾

[xác nhận chữ ký số ⁽²⁾]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có chữ ký số thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh và nộp đính kèm trên Hệ thống.

(3) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN**I. Thông tin về nhà đầu tư/Liên danh⁽¹⁾**

1. Tên nhà đầu tư/liên danh:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư/liên danh:
3. Năm thành lập:
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư/liên danh tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/liên danh:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại:
 - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư/liên danh.

II. Thông tin về các đối tác cùng thực hiện (nếu có) ⁽²⁾

TT	Tên đối tác ⁽³⁾	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia ⁽⁴⁾	Người đại diện theo pháp luật	Hợp đồng với đối tác ⁽⁵⁾
1	Công ty 1		[Tổ chức cung cấp tài chính]		
2	Công ty 2		[Nhà thầu xây lắp]		
3	Công ty 3		[Nhà thầu vận hành/ Quản lý]		
					

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. Nhà đầu tư/thành viên liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với nhà đầu tư trong nước; đối với nhà đầu tư nước ngoài, có tài liệu chứng minh đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài.

(2) Kê khai phần này trong trường hợp dự án áp dụng hình thức đấu thầu trong nước nhưng cần sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, kinh nghiệm quốc tế, nhà đầu tư trong nước sử dụng đối tác là nhà thầu nước ngoài đối với có sự tham gia của các đối tác nước ngoài.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án. Trường hợp khi tham dự quan tâm chưa xác định được cụ thể tên của các đối tác thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “vai trò tham gia”. Sau đó, nếu trúng thầu thì khi huy động các đối tác thực hiện công việc đã kê khai thì phải thông báo cho bên mời thầu. Trường hợp kê khai, sau khi trúng thầu, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập thay đổi tên, công việc đối tác thực hiện thì phải thông báo cho bên mời thầu.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(5) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng (nếu có) kèm theo bản chụp tài liệu đó và nộp đính kèm trên Hệ thống. Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác phải được ký với đại diện hợp pháp của các bên. Đại diện hợp pháp của các bên là người đại diện theo pháp luật của các bên hoặc người được người đại diện hợp pháp của các bên ủy quyền.

Mẫu số 04 (Webform trên Hệ thống)**NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾****1. Tên nhà đầu tư/Tên thành viên liên danh:****2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽²⁾:****a) Tóm tắt các số liệu về tài chính⁽³⁾:**

STT	Nội dung	Giá trị
I	Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án	
II	Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến tranh chấp, khiếu kiện (nếu có) ⁽⁴⁾	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có) ⁽⁵⁾	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	
5	Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư	(5) = (1) - (2) - (3) - (4)

b) Tài liệu đính kèm⁽⁶⁾

- Báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với các khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với các khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì nộp báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán.

- Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, phải đính kèm tài liệu chứng minh vốn điều lệ của doanh nghiệp.

- Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình

tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh sách dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có). Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và bị loại.

(3) Căn cứ yêu cầu, tính chất dự án, bên mời quan tâm, tổ chuyên gia bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Nhà đầu tư kê khai lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện theo Mẫu số 06 – Chương III. Biểu mẫu dự quan tâm

(5) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư kê khai danh sách các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm đáp ứng đủ toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định

(6) Căn cứ yêu cầu, tính chất dự án, bên mời quan tâm có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...).

Mẫu số 05 (Webform trên Hệ thống)

LỊCH SỬ TRANH CHẤP, KHIẾU KIỆN ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN⁽¹⁾

Tên nhà đầu tư/Tên thành liên danh (nếu có): _____

Các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án/hợp đồng đã và đang thực hiện				
Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây:				
☐ Không có tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án/hợp đồng đã và đang thực hiện.				
☐ Dưới đây là mô tả về các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án/hợp đồng đã và đang thực hiện mà nhà đầu tư là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà đầu tư liên danh).				
Năm	Mô tả dự án/hợp đồng	Vấn đề tranh chấp, khiếu kiện	Giá trị tranh chấp, khiếu kiện⁽²⁾ (VND)	Tỷ lệ tương ứng với vốn chủ sở hữu
	Mô tả dự án/hợp đồng: _____ Tên cơ quan có thẩm quyền: _____ Tên cơ quan ký kết hợp đồng (nếu có): _____ Địa chỉ: _____			

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu Bên mời quan tâm phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và E-HSĐKTHDA sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo E-HSMQT, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Trường hợp giá trị tranh chấp, khiếu kiện không phải là Đồng Việt Nam thì nhà đầu tư phải quy đổi theo quy định tại Mục 11 CDNDT.

Mẫu số 06 (Webform trên Hệ thống)**CAM KẾT NỘP GIÁ TRỊ CỦA TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT ⁽¹⁾**

1. Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời quan tâm của dự án ____ [ghi tên dự án], chúng tôi, ____ [ghi tên nhà đầu tư] cam kết:

Nộp giá trị của tài sản gắn liền với đất với giá trị ____ [ghi cụ thể giá trị của tài sản gắn liền với đất trong trường hợp có thông tin về giá trị của tài sản gắn liền với đất trong hồ sơ mời quan tâm] hoặc [ghi “được cấp có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công” trong trường hợp không có thông tin về giá trị của tài sản gắn liền với đất trong hồ sơ mời quan tâm].

2. Sau khi trúng thầu, chúng tôi cam kết sẽ nộp đầy đủ giá trị quy định tại Mục 1 nêu trên theo tiến độ, yêu cầu quy định tại hợp đồng dự án với giá trị tương ứng được cấp có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Ghi chú:

(1) Áp dụng Mẫu này nếu dự án đầu tư dự kiến triển khai trên quỹ đất có tài sản gắn liền với đất phải xử lý là tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

